

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐB
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/10/2022
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mùa A Phênh**.

Bà **Vì Thị Xôm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tiến Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vì Thị M**; sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản NS 1, xã NN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Trần Danh N**; sinh năm: 1976.

Nơi ĐKKHKT: Xã X T, huyện Y T, tỉnh Nghệ An.

Nơi tạm trú hiện nay: Bản NS 1, xã NN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vì Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Vì Thị M và anh Trần Danh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã NN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/4/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị M và anh N đã sống ly thân từ năm

2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Danh N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

Ngày 08/8/2022, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Vĩ Thị M, Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 205/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Trần Danh N tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh N không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh N từ chối nhận, anh N không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản NS 1, xã NN, huyện DB, tỉnh Điện Biên nơi anh N tạm trú thì Trưởng bản NS 1, xã NN, cho biết anh N đăng ký tạm trú tại bản NS 1, xã NN, huyện DB, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay anh N đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh N đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại bản NS 1, xã NN, huyện DB, tỉnh Điện Biên và UBND xã NN, huyện DB; Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh N cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại phiên tòa anh N vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11/10/2022, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 27/10/2022. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Danh N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Chị Vĩ Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 04/8/2022 chị Vì Thị M nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đối với anh Trần Danh N có địa chỉ tại bản NS 1, xã NN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Ngày 08/8/2022 chị M đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Vì Thị M và anh Trần Danh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh N không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh N đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Vì Thị M và anh Trần Danh N có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã NN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh N đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Theo chị M thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, nay chị M xin được ly hôn với anh N. Tòa án đã thông báo cho anh N được biết, nhưng anh N từ chối nhận và anh N không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh N nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh N vẫn

không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị M khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Vì Thị M và anh Trần Danh N.

[2.2] Xét về con chung: Chị Vì Thị M khai chị và anh N không có con chung. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị M khai không có. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vì Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vì Thị M và anh Trần Danh N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vì Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005025 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DB, tỉnh Điện Biên. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Vì Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Danh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã NN, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan